

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29/4/2022
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sơn Cô Sol.

Bà Dương Thị Hồng Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Liêng Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Kim Mau - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2021/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Thạch H, sinh năm 1994. Địa chỉ: ấp B, xã ĐC, huyện DH, tỉnh T (xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Thạch Thị C, sinh năm 1999. Địa chỉ: ấp B, xã ĐC, huyện DH, tỉnh T (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Thạch H trình bày: Anh và anh Thạch Thị C tự nguyện xác lập mối quan hệ hôn nhân vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐC, huyện DH. Sau khi cưới, vợ chồng anh cùng nhau lên thành phố Hồ Chí Minh để làm ăn sinh sống. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 07/2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể tự giải quyết được nên giữa chúng tôi đã sống ly thân hơn 02 năm vẫn không đoàn tụ được. Nay anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với chị Thạch Thị C. Về con chung: Trong quá trình chung sống, giữa anh H và chị C không có

con chung. Về tài sản chung, nợ chung: anh H cho rằng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn chị Thạch Thị C, tại biên bản lấy lời khai ông Thạch Dôn là cha ruột chị C cho biết: Do chị C đi làm xa nên tất cả các văn bản Tòa án giao cho chị C gia đình đồng ý nhận thay và đã liên lạc thông báo cho chị C biết nội dung văn bản, nhưng chị C trả lời với gia đình là do công việc không xin nghỉ được nên không thể về để tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án. Ngoài ra, thì chị C không gửi bất cứ văn bản gì cho Tòa án để thể hiện ý kiến của chị C về việc giải quyết vụ án.

Phản phát biểu của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, qua hồ sơ vụ án, căn cứ lời khai của đương sự. Xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Thạch H cho rằng không còn tình cảm vợ chồng với chị Thạch Thị C nên yêu cầu ly hôn, cuộc sống hôn nhân không đạt được hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết vụ án như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: cho nguyên đơn anh Thạch H được ly hôn với chị Thạch Thị C.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn sống ở xã đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp án phí nên có cơ sở chấp nhận theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật: Xét thấy đơn khởi kiện của anh Thạch H có nội dung yêu cầu ly hôn với chị Thạch Thị C, địa chỉ: ấp B, xã ĐC, huyện DH, tỉnh T nên đây là quan hệ tranh chấp về “*Ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn chị Thạch Thị C có nơi cư trú tại ấp B, xã ĐC, huyện DH, tỉnh T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Mặc dù, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho chị Thạch Thị C, nhưng tại phiên hòa giải, phiên họp công khai chứng cứ và phiên tòa bị đơn chị Thạch Thị C đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Thạch Thị C.

[4]. Về nội dung: Do bị đơn chị Thạch Thị C không gửi cho Tòa án văn bản nêu lên ý kiến của chị đối với việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào đơn khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tài liệu chứng cứ do tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

Xét thấy anh Thạch H và chị Thạch Thị C tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 23/01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Đôn Châu, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh H và chị C là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh H trình bày do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng anh, chị thường xuyên phát sinh cự cãi, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể giải quyết được nên giữa anh H và chị C đã sống ly thân hơn 02 năm cho đến nay vẫn không đoàn tụ được. Nhận thấy, giữa anh Thạch H và chị Thạch Thị C có xảy ra mâu thuẫn là cự cãi, mặc dù mâu thuẫn của anh, chị không trầm trọng, nhưng anh, chị đã tự sống ly thân hơn 02 năm vẫn không đoàn tụ được, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Thạch H.

Về con chung: Anh H trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Anh H trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh H trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Do anh Thạch H là người dân tộc, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 51; Điều 53; Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thạch H;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Thạch H và chị Thạch Thị C.
2. Về con chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.
4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.
5. Về án phí: Anh Thạch H được miễn án phí, Chị Thạch Thị C không phải chịu án phí
6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.
7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- UBND xã Đôn Châu, H. Duyên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Linh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Sĩ Thạo – Phạm Thị Dung

Lê Thị Thùy Linh